

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 11 -2021

V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và bà Đào Thị Hiền

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2021/HNGĐ - ST ngày 8 tháng 10 năm 2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Duy Thị O, sinh năm 1997

HKTT: Xóm 4, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ hiện nay: Xóm 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, cũng như đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Duy Thị O trình bày giữa chị và anh Trịnh văn H đăng ký kết hôn ngày 29/12/2017 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi lấy nhau thì chị mới biết anh H là người không lo đi làm, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau, chị O ở nhà mẹ đẻ tại xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, còn anh H ở tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị O xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về phần con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau, tên cháu là Trịnh Thảo M, sinh ngày 12/7/2018, hiện tại cháu đang ở cùng chị tại xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Ly hôn, nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu M,

yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Nghề nghiệp của chị là giáo viên trường mầm non, mức lương 6.000.000đ (sáu triệu đồng)/ tháng. Cùng với sự cấp dưỡng nuôi con chung của anh H, chị xét thấy đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi dạy cháu M.

Về tài sản và phần nợ: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trịnh Văn H trình bày vợ chồng đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện như chị O đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên phải đi làm xa nhà, nên khi chị O sinh con, anh H đã không quan tâm, chăm sóc chị O được nhiều, vợ chồng anh, chị chưa thực sự hiểu và chia sẻ với nhau trong cộng sống nên hay cãi nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo, không quan tâm đến nhau.

Tại bản tự khai ngày 8/10/2021 anh H không đồng ý ly hôn, nhưng quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh H xét thấy chị O không còn dành tình cảm cho anh, anh có níu kéo cũng không cải thiện được tình cảm vợ chồng, nên anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng anh, chị có 01 người con, tên cháu là Trịnh Thảo M, sinh ngày 12/7/2018, hiện nay cháu đang ở cùng chị O. Ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi cháu Thảo M, không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nghề nghiệp của anh làm công nhân tại công ty TNHH giấy Adiana Việt Nam, mức lương mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Nếu Tòa giao cháu Thảo M cho chị O nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản và phần nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; 55; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Về hôn nhân: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn cho chị Duy Thị O và anh Trịnh Văn H; Về con chung: Giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thảo M, anh H có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung anh, chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Chị O, anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Chị O có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Duy Thị O và anh Trịnh Văn H đăng ký kết hôn ngày 29/12/2017 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 55/2017. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trước đây anh H chưa có việc làm ổn định, anh, chị chưa thực sự yêu thương, chia sẻ với nhau. Mâu thuẫn này là nguyên nhân của va chạm khác, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị O và anh H đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Duy Thị O và anh Trịnh Văn H ly hôn.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau. Hiện tại cháu Trịnh Thảo M đang ở cùng chị O. Ly hôn, anh, chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung của chị O và anh H: Nếu được nuôi cháu M anh H không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, còn nếu Tòa án xử giao cháu Thảo M cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng thì chị O và anh H đều thống nhất anh H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 14/10/2021 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị O và anh H. Tại buổi xác minh UBND xã T cho biết do anh H và chị O đi làm xa, ít khi có mặt tại địa phương, việc mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến ly hôn giữa anh H và chị O, anh chị không báo cáo và yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nên UBND xã không biết được nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp của vợ chồng anh H, chị O. Vợ chồng anh H có 1 con chung là cháu Trịnh Thảo M, điều kiện kinh tế của anh H bình thường, anh H đi làm công ty, chị O làm gì địa phương không biết được. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị O và anh H đều chính đáng, nhưng hiện nay cháu M đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc từ người mẹ. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định, phát triển tâm sinh lý của cháu M, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng 2.000.000đ/ tháng kể từ tháng 10/2021 đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Duy Thị O và anh Trịnh Văn H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Xử cho chị Duy Thị O và anh Trịnh Văn H được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Thảo M, sinh ngày 12/7/2018 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, chị O không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu bé, thì anh H có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Duy Thị O phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2021/0006273 ngày 8 tháng 10 năm 2021 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn, chị O đã nộp đủ. Anh Trịnh Văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Tuyên bố cho anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị O được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKS Triệu Sơn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự
 - UBND xã T
- Tỉnh Nghệ An
- Thi hành án
 - Lưu hồ sơ

Lê Thị Thủy

